

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:173/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 15-8-2018.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Như Sứ;

2. Bà Mai Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Th Th B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 22, phường H Th T, quận C L, thành phố Đ N.

Bị đơn: Anh Nguyễn H A T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố Lãnh Thượng 1, thị trấn Đ P, huyện Q S, tỉnh Q N.

Chị B có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Th Th B trình bày:

Chị và anh Nguyễn H A T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường H Th T, quận C L, thành phố Đ N cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/4/2014. Những tháng đầu sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 07/2016 anh chị xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, do anh T đi làm xa đã quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến vợ con. Dù đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng anh chị vẫn không thể chung sống với nhau. Hiện nay anh chị đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn H A T.

Về con chung: Chị B và anh T có một con chung tên Nguyễn H N Tr, sinh ngày 03/6/2015. Hiện nay, cháu đang ở với chị, nên chị yêu cầu được nuôi cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T không hợp tác, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai, chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, không có ý kiến của anh T về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Th Th B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bị đơn - anh Nguyễn H A T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Th Th B có quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn H A T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Lãnh Thượng 1, thị trấn Đ P, huyện Q S, tỉnh Q N. Nay, Chị B nộp đơn tại Tòa án yêu cầu ly hôn với anh T. Vì vậy, quan hệ pháp luật cần giải quyết là “tranh chấp

về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H Th T, quận C L, thành phố Đ N ngày 23/4/2014. Trong quá trình chung sống, Chị B cho rằng anh T ngoại tình và không quan tâm, chăm sóc vợ con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị không còn chung sống với nhau. Đến nay, Chị B không còn tình cảm gì với anh T nên cương quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, không tham gia các phiên hòa giải, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do, nên không có ý kiến của anh T về nội dung vụ án, Chị B vẫn cương quyết xin ly hôn; điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng Chị B, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị B là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị B và anh T có một con chung Nguyễn H N Tr, sinh ngày 03/6/2015. Cháu Tr từ nhỏ đến nay ở với Chị B tại phường H Th T, quận C L, thành phố Đ N. Cháu Tr là con gái nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ để đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm sinh lý. Mặc khác, anh T trong quá trình giải quyết vụ án không hợp tác, thể hiện sự không quan tâm đến con cái. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao Cháu Tr cho Chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị Lê Th Th B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Th Th B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Th Th B được ly hôn với anh Nguyễn H A T.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn H N Tr, sinh ngày 03/6/2015 cho chị Lê Th Th B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Anh Nguyễn H A T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Th Th B phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị B đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006617 ngày 15/3/2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thọ